

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)

- **Hình thức kiểm tra:** Trắc nghiệm kết hợp tự luận

- **Nội dung:** Các ngữ liệu ngoài SGK

Bài 6: NGUYỄN DU - “NHỮNG ĐIỀU TRÔNG THẤY MÀ ĐAU ĐÓN LÒNG”

1. Truyện thơ dân gian, truyện thơ Nôm

Nhận biết: 4 câu hỏi trắc nghiệm

- Nhận biết được đề tài, câu chuyện, chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm
- Nhận biết được người kể chuyện trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm.
- Nhận biết được ngôn ngữ độc thoại, đối thoại, độc thoại nội tâm và các biện pháp nghệ thuật trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm.
- Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm.

Thông hiểu: 3 câu hỏi trắc nghiệm và 1 câu tự luận

- Tóm tắt được cốt truyện của đoạn trích/ tác phẩm.
- Phân tích được đặc điểm, vai trò của của cốt truyện, nhân vật, chi tiết trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm.
- Phân tích, lí giải được ý nghĩa của ngôn ngữ, bút pháp nghệ thuật trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm.
- Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản có nhiều chủ đề), tư tưởng, thông điệp của truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm.
- Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm.
- Phân tích được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm.
- Phát hiện và lí giải được các giá trị nhân văn, triết lí nhân sinh từ truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm.

Vận dụng: 1 câu tự luận

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.
- Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm.

Vận dụng cao: 1 câu tự luận

- Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm.
- So sánh được sự giống và khác nhau giữa các văn bản truyện thơ; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm.

*** Đề minh họa:**

I. ĐỌC – HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Người lên ngựa, kẻ chia bào
Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san
Dặm hồng bụi cuốn chinh an
Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh
Người về chiếc bóng năm canh

*Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi
Vàng trắng ai xẻ làm đôi
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường*
(Trích “Truyện Kiều”, Nguyễn Du, NXB Giáo dục Việt Nam)

(*Chú thích: *chia bào*: rời vạt áo; *màu quan sang*: màu đỏ, ngụ ý chỉ sự xa xôi cách trở; *chinh an*: việc đi đường xa; *gối chiếc*: gối đơn - ngụ ý chỉ sự cô đơn; *dặm trường*: đường xa)

Trả lời câu hỏi từ 1 đến 8 (lựa chọn 1 phương án đúng):

Câu 1. Xác định thể thơ được sử dụng trong đoạn trích.

- A. Tự do
- B. Song thất lục bát
- C. Lục bát
- D. Thất ngôn.

Câu 2. Văn bản trên được kể theo ngôi nào?

- A. Ngôi thứ nhất điểm nhìn hạn tri
- B. Ngôi thứ ba điểm nhìn hạn tri
- C. Ngôi thứ nhất điểm nhìn toàn tri
- D. Ngôi thứ ba điểm nhìn toàn tri

Câu 3. “Người” và “kẻ” được nhắc đến trong đoạn trích là những nhân vật nào trong “Truyện Kiều”?

- A. Thúy Kiều, Kim Trọng
- B. Thúy Kiều, Mã Giám Sinh
- C. Thúy Kiều, Thúc Sinh
- D. Thúy Kiều, Từ Hải

Câu 4. Chỉ ra những hình ảnh gợi khung cảnh chia tay.

- A. Người lên ngựa, kẻ chia bào
- B. Rừng phong, ngàn dâu xanh, vàng trắng.
- C. Chiếc gối , dặm trường, vàng trắng
- D. Rừng phong, vàng trắng, chiếc bóng

Câu 5. Trong hai câu thơ sau, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào?

*Người về chiếc bóng năm canh
Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi*

- A. Nhân hóa
- B. Đối
- C. So sánh
- D. Câu hỏi tu từ

Câu 6: Tâm trạng của nhân vật trữ tình được thể hiện như thế nào qua hai câu thơ sau:

*Người về chiếc bóng năm canh
Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi*

- A. Hối hận, buồn tủi, cô đơn
- B. Tiếc thương, nhớ mong, xót xa
- C. Lưu luyến, cô đơn, buồn tủi
- D. Đau khổ, cô đơn, tiếc thương

Câu 7. Nêu hiệu quả phép đối được sử dụng trong câu thơ:

*Người lên ngựa, kẻ chia bào
Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san.*

- A. Diễn tả sự chia lìa, cách trở; nỗi cô đơn trong lòng Thúy Kiều trong giờ phút chia ly.
- B. Diễn tả tình yêu của Thúy Kiều đẹp như rừng phong, luôn đồng hành, sẻ chia những khó khăn
- C. Diễn tả nỗi buồn, cô đơn của Thúy Kiều khi Từ Hải ra chiến trường
- D. Diễn tả sự chia lìa, cách trở, cô đơn của Kiều trong giờ phút chia tay Kim Trọng.

Câu 8. Dòng nào nêu đúng nội dung của đoạn trích?

- A. Giây phút từ biệt và nỗi buồn của Kiều.
- B. Giây phút được gặp lại người yêu rồi chia ly
- C. Giây phút cô đơn nhớ về quê hương và gia đình
- D. Giây phút chia ly người yêu ra chiến trường

Trả lời câu hỏi:

Câu 9. Anh/chị hiểu như thế nào về nội dung hai câu thơ:

*Vầng trăng ai xẻ làm đôi
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường*

Câu 10. Nhận xét về ngôn ngữ và nghệ thuật thể hiện tâm trạng nhân vật trong đoạn trích.

BÀI 7: GHI CHÉP VÀ TƯỜNG TUỢNG TRONG KÍ

Nhận biết: 4 câu hỏi trắc nghiệm

- Nhận biết được đề tài, cái tôi trữ tình, kết cấu của văn bản.
- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu.
- Nhận biết được các yếu tố tự sự và trữ tình; các yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.
- Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong văn bản.

Thông hiểu: 3 câu hỏi trắc nghiệm và 1 câu tự luận

- Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cái tôi trữ tình, giọng điệu và mối quan hệ giữa các yếu tố này trong văn bản.
- Phân tích được sự kết hợp giữa cốt tự sự và chất trữ tình; giữa hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.
- Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản.
- Phân tích, lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của văn bản.
- Lí giải được tính đa nghĩa của ngôn ngữ nghệ thuật trong văn bản.

Vận dụng: 1 câu tự luận

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm của bản thân về cuộc sống hoặc văn học.
- Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong văn bản.

Vận dụng cao: 1 câu tự luận

- Đánh giá được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm của bản thân về văn học và cuộc sống. Đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.
- So sánh được hai văn bản cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau.

*Đề minh họa

ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng Giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trùu mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừu thương nước, bướm đừu thương hoa, trăng đừu thương gió; ai cảm được trai thương gái, ai cảm được mẹ yêu con; ai cảm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân.

Tôi yêu sông xanh, núi tím; tôi yêu đôi mây ai như trắng mới in ngần và tôi cũng xây mộng ước mơ, nhưng yêu nhất mùa xuân không phải là vì thế.

Mùa xuân của tôi – mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội – là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...

Người yêu cảnh, vào những lúc trời đất mang mang như vậy, khoác một cái áo lông, ngậm một ống điếu mở cửa đi ra ngoài tự nhiên thấy một cái thú giang hồ êm ái như nhung và không cần uống rượu mạnh cũng như lòng mình say sưa một cái gì đó – có lẽ là sự sống!

Ấy đấy, cái mùa xuân thần thánh của tôi làm cho người ta muốn phát điên lên như thế ấy. Ngồi yên không chịu được. Nhựa sống ở trong người căng lên như máu căng lên trong lộc của loài nai, như mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trôi ra thành những cái lá nhỏ li ti giờ tay vẫy những cặp uyên ương đứng cạnh.

Cùng với mùa xuân trở lại, tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra, và đập mạnh hơn trong những ngày đông tháng giá. Lúc ấy, đường sá không còn lầy lội nữa mà là cái rét ngọt ngào, chớ không còn tê buốt căm căm nữa.

Y như những con vật nằm thu hình một nơi trốn rét thấy nắng ấm trở về thì lại bò ra để nhảy nhót kiếm ăn, anh cũng “sống” lại và thêm khát yêu thương thực sự. Ra ngoài trời, thấy ai cũng muốn yêu thương, về đến nhà lại cũng thấy yêu thương nữa.

Nhang trầm, đèn nến, và nhất là bầu không khí gia đình đoàn tụ êm đềm, trên kính dưới nhường, trước những bàn thờ Phật, bàn thờ Thánh, bàn thờ tổ tiên làm cho lòng anh ấm lạ ấm lòng, tuy miệng chẳng nói ra nhưng trong lòng thì cảm như có không biết bao nhiêu là hoa mới nở, bướm ra rập rờn mở hội liên hoan.

Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mượt xanh như cuối đông, đầu giêng, nhưng trái lại, lại nức một mùi hương man mác.

Thường thường, vào khoảng đó trời đã hết nồm, mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nền trời ùng đục như màu pha lê mờ. Sáng dậy, nằm dài nhìn ra cửa sổ thấy những vệt xanh tươi hiện ra ở trên trời, mình cảm thấy rạo rực một niềm vui sáng sủa. Trên giàn hoa lí, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa. Chỉ độ tám chín giờ sáng, trên nền trời trong trong có những làn sáng hồng hồng rung động như cánh con ve mới lột.

Ấy là lúc thịt mỡ dưa hành đã hết, người ta bắt đầu trở về bữa cơm giản dị có cà om với thịt thăn chấm những lá tía tô thái nhỏ hay bát canh trứng cua vắt chanh ăn mát như quạt vào lòng. Cánh màn điều treo ở đầu bàn thờ ông vải đã hạ xuống từ hôm “hoá vàng” và các trò vui ngày Tết cũng tạm thời kết thúc để nhường chỗ cho cuộc sống êm đềm thường nhật.

(Vũ Bằng, *Thương nhớ mười hai*, NXB Văn học, Hà Nội, 1993)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại

- A. Tản văn
- B. Tùy bút
- C. Kí
- D. Truyện kí

Câu 2. Bên cạnh yếu tố trữ tình (biểu cảm), văn bản trên có sử dụng thêm phương thức biểu đạt nào khác?

- A. Tự sự và miêu tả
- B. Miêu tả và nghị luận
- C. Miêu tả và thuyết minh
- D. Tự sự và thuyết minh

Câu 3. Nội dung chính của đoạn văn trên là gì?

- A. Bày tỏ cảm xúc yêu mến với mùa xuân của Hà Nội, mùa xuân của Bắc Việt
- B. Thuật lại kỉ niệm khó quên về tết Hà Nội
- C. Bày tỏ nỗi nhớ Hà Nội
- D. Miêu tả không khí mùa xuân Hà Nội

Câu 4. Biện pháp tu từ được nhà văn sử dụng trong câu sau là gì?

Y như những con vật nằm thu hình một nơi trốn rét thấy nắng ấm trở về thì lại bò ra để nhảy nhót kiếm ăn, anh cũng “sống” lại và thêm khát yêu thương thực sự. Ra ngoài trời, thấy ai cũng muốn yêu thương, về đến nhà lại cũng thấy yêu thương nữa.

- A. So sánh và nhân hóa
- B. So sánh và điệp từ
- C. So sánh và ẩn dụ
- D. So sánh và liệt kê

Câu 5. Biện pháp lập cấu trúc được sử dụng trong đoạn sau có tác dụng gì?

Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng Giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trù mến, không có gì lạ hết. Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con; ai cấm được cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân.

- A. Khẳng định vẻ đẹp của mùa xuân
- B. Khẳng định mùa xuân là mùa của yêu thương và tình yêu
- C. Khẳng định ai cũng chuộng mùa xuân, những sự việc hiển nhiên không bao giờ dừng lại cũng như việc không bao giờ có người hết yêu mùa xuân
- D. Khẳng định tình cảm của nhà văn với mùa xuân đất trời

Câu 6. Đọc văn bản và chỉ ra khoảng thời gian mà tác giả cảm thấy “yêu mùa xuân nhất”

- A. Đầu xuân
- B. Tết nguyên Đán
- C. Sau rằm tháng giêng
- D. Cuối mùa xuân

Câu 7. Cảm xúc chủ đạo của văn bản trên là:

- A. Niềm hoài niệm trước những vẻ đẹp truyền thống xưa cũ
- B. Tình yêu và nỗi nhớ với tết Hà Nội
- C. Tình yêu và nỗi nhớ với Hà Nội mùa xuân
- D. Tình yêu và nỗi nhớ với những điều bình dị nhất của mùa xuân của Bắc Việt

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Lựa chọn một biện pháp tu từ trong văn bản trên và phân tích

Câu 9. Chỉ ra những đặc điểm của tản văn xuất hiện trong văn bản

Câu 10. Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) chia sẻ cảm nhận của em về mùa xuân (hoặc Tết) ở địa phương mà em sinh sống

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

- Hình thức kiểm tra: Tự luận

- Nội dung: Các ngữ liệu ngoài sgk

Viết văn bản thuyết minh

a. Các mức độ đánh giá

Nhận biết:

- Xác nhận được đúng yêu cầu về nội dung thuyết minh và hình thức văn bản thuyết minh
- Xác định được đúng mục đích, đối tượng của văn bản
- Đảm bảo bố cục, cấu trúc của một văn bản thuyết minh

Thông hiểu:

- Trình bày rõ nội dung thuyết minh, cấu trúc bài viết sáng rõ, ngôn ngữ tường minh, chính xác, cụ thể, khách quan
- Đảm bảo sự phù hợp giữa ngôn từ, bố cục với nội dung, mục đích, đối tượng thuyết minh, đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt

- Bài viết có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận

Vận dụng: Lồng ghép hợp lý các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận để tăng sức hấp dẫn cho văn bản.

Vận dụng cao:

- Vận dụng hiệu quả những kiến thức về Tiếng Việt lớp 11 để tăng sức hấp dẫn, tính sinh động của nội dung thuyết trình.

b. Viết văn bản thuyết minh về một tác phẩm văn học (Có thể một tác phẩm truyện hoặc thơ - ngữ liệu ngoài sgk)

* **Mở bài:** Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm

* **Thân bài:**

- Giới thiệu ngắn gọn về quê quán, gia đình, con người và sự nghiệp văn chương của tác giả

- Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác và thể loại của tác phẩm

- Trình bày giá trị tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm

* **Kết bài:** Khẳng định đóng góp của tác phẩm cho nền văn học hoặc cho đời sống văn hóa của đất nước và thế giới.

c. Viết văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội

* **Mở bài:**

- Giới thiệu sự vật, hiện tượng cần thuyết minh, nêu rõ sự tồn tại của sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội

* **Thân bài:**

- Nêu thực chất của sự vật, hiện tượng được thuyết minh

- Trình bày các thông tin theo trình tự đã được lựa chọn: nguyên nhân, hệ quả, giải pháp, xuất hiện bao giờ?, diễn biến và kết thúc như thế nào?....

* **Kết bài:** Nêu ý nghĩa của việc nhận thức đúng về sự vật, hiện tượng được thuyết minh.

* **Đề minh họa**

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Viết bài văn thuyết minh về hiện tượng tôn thờ thần tượng một cách thái quá.

NHÓM TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

ĐẶNG THỊ THU

LƯƠNG THỊ YẾN